



DỰ ÁN ĐẠI SỰ KÝ BIỂN ĐÔNG

Quy Chế Pháp Lý Của Đảo Ba Bình Và Các Thực Thể Địa Lý Nổi Ở Triều Cao Của Quần Đảo Trường Sa

Trích Phán Quyết Toà Trọng tài Vụ kiện Biển Đông

Biên dịch: Diệp Bảo Anh & Trần Thị Phương Thảo

Hiệu đính vòng 1: Trần Thị Phương Thảo

Hiệu đính vòng 2: Vân Phạm và Nguyễn Hồng Thao

12/2018

Diệp Bảo Anh là cộng tác viên năm nhất Dự án Đại Sự Ký Biển Đông và là thạc sỹ lãnh vực Quan hệ quốc tế tại trường Đại học Bond (Australia). **Trần Thị Phương Thảo** là cộng tác viên năm thứ ba của Dự án Đại Sự Ký Biển Đông và có bằng thạc sỹ Luật quốc tế tại trường Đại học George Washington, Mỹ. Luận án thạc sỹ của cô có tựa đề *“Historic rights and historic titles the compatibility of the arbitral tribunal award in the Philippines v. China case and the international law of the sea”*. **TS Văn Phạm** và **PGS. TS Nguyễn Hồng Thao** là thành viên Dự án Đại Sự Ký Biển Đông.

Dự án Đại Sự Ký Biển Đông – The South China Sea Chronicle Initiative (SCSCI) là một dự án phi lợi nhuận, phi chính trị với sứ mệnh xây dựng các biên niên sự kiện, tổng hợp và hệ thống hoá tư liệu, thông tin về các chủ đề quan trọng của tranh chấp Biển Đông theo tiêu chuẩn khoa học, đa chiều. Mục đích của Dự án nhằm góp phần cung cấp tư liệu và một bức tranh tổng thể và hệ thống về diễn tiến tranh chấp Biển Đông, giúp các nhà phân tích và hoạch định chính sách có thể hiểu được thực sự bản chất tranh chấp và có những đánh giá, giải pháp đúng đắn, đem lại công bằng và hoà bình, hướng tới an ninh và hợp tác bền vững trong khu vực.

Website: <https://daisukybiendong.wordpress.com>

Facebook: <https://www.facebook.com/daisukybiendong/>

Email: sukybiendong@gmail.com

Tài khoản tài trợ qua Paypal: sukybiendong@gmail.com

Các ấn phẩm của Dự án Đại Sự Ký Biển Đông không nhất thiết thể hiện quan điểm của tất cả thành viên và cộng tác viên, hay các nhà tài trợ Dự án Đại Sự Ký Biển Đông. Bản quyền các ấn phẩm thuộc về các tác giả, dịch giả và Dự án Đại Sự Ký Biển Đông. Mọi sự sử dụng lại hay trích dẫn phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài gốc trên Dự án Đại Sự Ký Biển Đông. Sử dụng cho mục đích thương mại phải được sự đồng ý bằng văn bản của Dự án Đại Sự Ký Biển Đông.

NỘI DUNG

LỜI GIỚI THIỆU:	2
I. DỮ KIỆN THỰC TẾ LIÊN QUAN TỚI CÁC THỰC THỂ ĐỊA LÝ NỔI Ở TRIỀU CAO QUAN TRỌNG Ở QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA	3
(a) Sự hiện diện của nước ngọt uống được.....	3
(b) Thảm thực vật và sinh vật học	6
(c) Đất và tiềm năng nông nghiệp	10
(d) Sự hiện diện của ngư dân.....	11
(e) Các hoạt động thương mại.....	12
II. ÁP DỤNG ĐIỀU 121 VÀ KẾT LUẬN CỦA TÒA TRỌNG TÀI VỀ QUY CHẾ CỦA CÁC THỰC THỂ	19
(a) Lịch sử cư trú của con người trên các thực thể của quần đảo Trường Sa	19
(b) Lịch sử về đời sống kinh tế riêng của các thực thể trên quần đảo Trường Sa	21
NHÀ TÀI TRỢ	23

Lời giới thiệu:

Tháng Giêng năm 2013, Philippines chính thức khởi kiện Trung Quốc trước Toà trọng tài thành lập theo Phụ lục VII của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển (UNCLOS) về cách hiểu và áp dụng một số điều khoản của UNCLOS ở Biển Đông. Sau ba năm xem xét vụ kiện, ngày 12 tháng 7 năm 2016, Toà trọng tài đã ra phán quyết có tính bước ngoặt đối với cục diện pháp lý của các tranh chấp biển ở Biển Đông. Phán quyết đã giải thích và làm sáng tỏ nhiều khái niệm trong UNCLOS, đóng góp phát triển luật quốc tế và làm rõ cơ sở pháp lý của các yêu sách biển ở Biển Đông, mở ra cánh cửa để giải quyết tranh chấp một cách công bằng và hoà bình phù hợp với luật quốc tế, hướng tới ổn định và thịnh vượng lâu dài, thực chất trong khu vực.

Một nội dung quan trọng trong Phán quyết của Toà là quy chế pháp lý của các thực thể địa lý nổi ở triều cao ở quần đảo Trường Sa, theo đó, không có thực thể nào là đảo và do đó không có thực thể nào được hưởng vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa riêng. Kết luận của Toà có tính chung thẩm. Để đi tới kết luận này, Toà trọng tài đã tiến hành những phân tích có tính kinh điển, đã làm rõ nhiều khái niệm vốn gây tranh cãi bấy lâu về điều 121(3) của UNCLOS như “thể nào là đáp ứng đời sống con người”, “thể nào là có thể có nền kinh tế riêng” để cho một thực thể nổi ở triều cao có quy chế pháp lý của đảo.

Phán quyết của Toà trọng tài về quy chế pháp lý của các thực thể nổi ở triều cao ở quần đảo Trường Sa bởi vậy không chỉ giúp thu hẹp đáng kể phạm vi vùng biển tranh chấp ở quần đảo Trường Sa, mà còn tạo một tiền lệ tham khảo giải quyết tranh chấp biển ở quần đảo Hoàng Sa và đàm phán phân định biển khu vực ngoài Vịnh Bắc Bộ gần quần đảo Hoàng Sa giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Với ý nghĩa có tính thời sự đó, Dự án Đại Sự Ký Biển Đông xin trân trọng giới thiệu bản trích dịch phần phán quyết này của Toà trọng tài, với mong muốn giúp độc giả Việt có thể tiếp cận dễ dàng hơn, tiếp thu tốt hơn tinh hoa của phán quyết, đồng lòng tìm kiếm một giải pháp cho tổng thể tranh chấp Biển Đông trên cơ sở luật quốc tế.

Quy Chế Pháp Lý của Đảo Ba Bình và Các Thực Thể Địa Lý Nổi ở Triều Cao ở Quần Đảo Trường Sa

Trích từ Phán quyết ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Toà trọng tài Vụ kiện Biển Đông giữa Philippines và Trung Quốc.

I. Dữ kiện thực tế liên quan tới các thực thể địa lý nổi ở triều cao quan trọng ở quần đảo Trường Sa

Toà án đã xem xét một lượng lớn bằng chứng liên quan đến tình trạng của các thực thể địa lý (sau đây gọi tắt là “thực thể” – BTV) nổi ở triều cao quan trọng ở quần đảo Trường Sa. Quá trình xem xét bao gồm các bằng chứng được đưa ra bởi Philippines, cũng như bằng chứng trong các nguồn và tài liệu công khai khác mà Toà án thu thập được từ lưu trữ của Văn phòng Thủy văn Vương quốc Anh, *Thư viện Quốc gia Pháp (Bibliothèque Nationale de France)* và *Lưu trữ Pháp ở Hải Ngoại (Archives Nationales d’Outre-Mer)*.

Không thể phủ nhận rằng tất cả các thực thể nổi ở triều cao quan trọng ở quần đảo Trường Sa hiện đang được kiểm soát bởi một Quốc gia ven biển, hoặc nước này hoặc nước kia, và những nước này đã xây dựng các cấu trúc và thiết lập nhân viên trên đảo. Sự hiện diện này, tuy nhiên, về bản chất chủ yếu là của quân đội hay chính phủ và có sự can dự của nguồn cung cấp đáng kể từ bên ngoài. Hơn nữa, nhiều thực thể nổi ở triều cao đã bị sửa đổi đáng kể so với điều kiện tự nhiên ban đầu. Thêm vào đó, những sắp đặt về tình trạng hiện tại và sự cư ngụ của con người trên những thực thể này có thể là phản ánh những nỗ lực cố ý tô vẽ các thực thể theo cách mà tăng hoặc giảm khả năng cho thực thể đó được xem xét có thể tạo ra vùng đặc quyền kinh tế hay không, tùy vào lợi ích của Quốc gia liên quan. Do đó, Toà coi bằng chứng lịch sử về tình trạng các thực thể - trước khi vùng đặc quyền kinh tế xuất hiện như một khái niệm hoặc trước khi bắt đầu có sửa đổi đáng kể bởi con người – là một chỉ dẫn đáng tin cậy hơn về năng lực duy trì đời sống con người hay đời sống kinh tế.

579. Toà sẽ lần lượt xem xét các khía cạnh khác nhau của tình trạng các thực thể.

(a) Sự hiện diện của nước ngọt uống được

580. Hồ sơ cho thấy có những báo cáo thống nhất về các giếng nhỏ nằm ở một số thực thể thuộc quần đảo Trường Sa. Ấn bản năm 1868 của *Danh mục Biển Trung Hoa (China Sea Directory)*,

phản ánh những quan sát được sưu tầm trong một khảo sát của HMS Rifleman tại khu vực này, ghi nhận sự tồn tại của các giếng nhỏ trên đảo Ba Bình (Itu Aba), Thị Tứ (Thitu) và Song Tử Đông (North-East Cay), trong đó liên quan đến đảo Ba Bình, quan sát được “nước được tìm thấy trong giếng ở đảo này tốt hơn ở bất kỳ nơi nào khác”.¹ HMS Rambler báo cáo về một giếng nhỏ tương tự ở Nam Yết (Namyit) năm 1888;² HMS Iroquois mô tả hai giếng ở Song Tử Tây năm 1926;³ và HMS Herald báo cáo về một giếng ở đảo Trường Sa năm 1936.⁴ Cuối cùng, *Chỉ dẫn đi biển cho những khu vực nguy hiểm (Sailing Direction for the Dangerous Ground)* của Anh năm 1944 mô tả hai giếng ở đảo Vĩnh Viễn (Nanshan Island).⁵

581. Tại nơi mà chất lượng nước được ghi lại, các kết quả cho thấy khác nhau. Bên cạnh những quan sát được ghi lại trước đó rằng nước ở đảo Ba Bình “tốt hơn bất kỳ nơi nào khác”,⁶ nước ở Thị Tứ được mô tả là “nước lợ nhưng uống được” vào năm 1937,⁷ nước ở Song Tử Tây được ghi nhận là “hơi đục” do đó “nên được sử dụng cẩn trọng” năm 1926,⁸ và nước ở đảo Trường Sa được cho là “hơi lợ”.⁹ Các giếng ở Vĩnh Viễn được mô tả là “nước lợ”.¹⁰

582. Đồng thời, một báo cáo khảo sát của Nhật về đảo Ba Bình từ năm 1939, có vẻ như được thực hiện nhằm mục tiêu thương mại, mô tả số lượng đáng kể nước ngọt như sau:

Vào thời điểm đó, có bốn giếng, nhưng chỉ có hai giếng được sử dụng. Một trong hai giếng có đường kính một mét, và sâu khoảng năm mét. Có một lượng lớn nước bên ngoài, và theo kết quả của một cuộc khảo sát, nước thích hợp để uống, và những người dân ở đó cũng sử dụng nước để uống.

Ngay cả khi họ khai thác khoảng 10 tấn nước từ mỗi giếng mỗi ngày, tình trạng của giếng cũng không hề thay đổi. Vì người dân chưa bao giờ khai thác hơn 10 tấn nước mỗi ngày

¹ Admiralty Hydrographic Office, *China Sea Directory*, Vol. II, p. 71 (1st ed., 1868); xem thêm Admiralty

² *Report of the Results of an Examination by the Officers of H.M.S. Rambler of the Slopes and Zoological Condition of Tizard and Macclesfield Banks*, UKHO Ref. HD106 at p. 15 (1888).

³ HMS Iroquois, *Sailing Directions to accompany Chart of North Danger (North-East Cay and South-West Cay)* at p. 2 (1926).

⁴ HMS Herald, *Corrections to Sailing Directions for Spratly Island, Amboyna Cay, and Fiery Cross Reef*, UKHO Ref. H3853/1936 at p. 1 (1936).

⁵ *Sailing Direction for the Dangerous Ground*, UKHO Ref. HD384 at p. 7 (1944 ed.).

⁶ Admiralty Hydrographic Office, *China Sea Directory*, Vol. II, p. 71 (1st ed., 1868); xem thêm Admiralty Hydrographic Office, *China Sea Directory*, Vol. II, pp. 72, 74 (1st ed., 1868).

⁷ HMS Herald, *Report of 1937 Visit to Thitu and Itu Aba*, UKHO Ref. H2499/1937 at p. 1 (1937).

⁸ HMS Iroquois, *Sailing Directions to accompany Chart of North Danger (North-East Cay and South-West Cay)* at p. 2 (1926).

⁹ HMS Herald, *Corrections to Sailing Directions for Spratly Island, Amboyna Cay, and Fiery Cross Reef*, UKHO Ref. H3853/1936 at p. 1 (1936).

¹⁰ *Sailing Direction for the Dangerous Ground*, UKHO Ref. HD384 at p. 7 (1944 ed.).

nên không thể giải thích chính xác lượng nước mà giếng có thể cung cấp. Tuy nhiên, giếng được công nhận là có khả năng cung cấp lượng nước đáng kể.

Bên cạnh giếng được đề cập ở trên, các giếng khác có kích thước tương tự đã được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau, và tất cả các công việc đòi hỏi cần phải có nước cũng sử dụng nước từ các giếng này. Hai giếng khác không được sử dụng tại thời điểm đó và không được để tâm đến, mặc dù được cho là có nhiều nước hơn theo cách giải thích trên.¹¹

583. Một ghi chép khác của Nhật về chuyến thăm đảo Ba Bình tương tự cũng cho thấy “chất lượng nước tốt, và số lượng dồi dào”.¹² Các ghi chép gần hơn về chất lượng nước thì cho kết quả hỗn hợp. Một nghiên cứu của các nhà thực vật học Đài Loan năm 1994 cho thấy “nước ngầm mặn và không thể uống được”.¹³ Một nghiên cứu khác trong cùng năm chỉ ra “một cách tổng thể, hai khu vực nước ngọt thực sự có chất lượng nước tốt hơn so với các con sông hoặc hồ thông thường” và “nguồn nước ngọt của đảo vẫn ở trong tình trạng tốt”.¹⁴ Truyền thông đưa tin về các chuyến thăm gần đây tới đảo Ba Bình của các quan chức và khách mời của Chính quyền Đài Loan cũng nhấn mạnh rằng nước giếng ở đây có thể uống được.

584. Theo quan điểm của Toà trọng tài, báo cáo này phù hợp với sự hiện diện, về mặt lịch sử, của vòng nước ngọt (freshwater lenses) dưới phần lớn các thực thể nổi quan trọng nhất ở quần đảo Trường Sa. Chất lượng nước không cần thiết phải phù hợp với tiêu chuẩn của nước uống được ngày nay và có thể thay đổi theo thời gian, với lượng mưa, sử dụng, và thậm chí là điều kiện thủy triều tác động đến độ mặn. Tóm lại, nguồn nước tốt nhất nằm ở đảo Ba Bình và Song Tử Tây. Toà ghi nhận các bằng chứng chuyên gia mà Philippines đưa ra về khả năng hạn chế của vòng nước ngọt ở đảo Ba Bình có thể dự đoán được, nhưng cũng lưu ý rằng những kết luận này được dự đoán một phần dựa vào thực tế là việc xây dựng đường băng trên thực thể này sẽ giảm khả năng hấp thụ nước mưa của đất và tái tạo vòng nước ngọt.¹⁵ Cuối cùng, Toà lưu ý rằng các nguồn nước ngọt của những thực thể này, cùng với nguồn nước mưa thu nhận ước tính, rõ ràng đã giúp cho số lượng nhỏ cư dân trong quá khứ (xem đoạn 601 dưới đây) và vì thế kết luận rằng những thực thể này trong điều kiện tự nhiên của chúng có khả năng này, bất kể điều này có tiếp tục đúng trong thời điểm hiện nay hay không.

¹¹ H. Hiratsuka, “The Extended Base for the Expansion of the Fishery Business to Southern Area: New Southern Archipelago—On-Site Survey Report,” *Taiwan Times* (May 1939).

¹² U. Kokura, *The Islands of Storm*, pp. 188, 194 (1940).

¹³ T.C. Huang, *et al.*, “The Flora of Taipingtao (Itu Aba Island),” *Taiwania*, Vol. 39, No. 1-2 (1994) (Annex 254).

¹⁴ I.M. Chen, “Water Quality Survey in South China Sea and Taiping Island Sea Region,” in L. Fang & K. Lee (eds.), *Policy Guiding Principles: The Report for the Ecological Environment Survey on South Sea*, p. 187 at p. 194 (1994)

¹⁵ See generally First Bailey Report; Second Bailey Report.

(b) Thảm thực vật và sinh vật học

585. Báo cáo tương tự chỉ ra rằng những thực thể lớn hơn ở quần đảo Trường Sa trong lịch sử cũng có thảm thực vật. Ấn bản *Danh mục biển Trung Hoa* năm 1868 của Anh đã miêu tả đảo Ba Bình "được bao phủ bởi những cây nhỏ và bụi cây cao" và ghi nhận sự hiện diện của "hai hoặc ba cây hạt cacao và một vài cây mã đề gần một cái giếng nhỏ, nhưng đối tượng dễ thấy nhất là một cây bụi đen."¹⁶ Tương tự vậy, Thị Tứ được mô tả có "một khóm cây sẫm màu" và "một số bụi cây thấp và hai cây cao còi cọc gần một cái giếng nhỏ và một vài cây mã đề"¹⁷. Nam Yết trong phần mô tả vào năm 1888 "được bao phủ gần như toàn phần bởi những cây nhỏ và bụi cây"¹⁸, Loại Ta "được phủ đầy bụi cây"¹⁹ và cả hai rạn san hô trên Cụm Song Tử "được bao phủ bởi cỏ thô"²⁰. Tuy nhiên, trong cùng thời gian đó, đảo Trường Sa được ghi nhận là không có một bụi cây hoặc thậm chí là một ngọn cỏ."²¹ Phi hành đoàn của HMS Rifleman cũng được ghi nhận là đã trồng cây dừa trên đảo Trường Sa và An Bang vào năm 1864, để tăng khả năng hiển thị của các thực thể.²²

586. Theo thời gian, mức độ thảm thực vật trên các thực thể đã tăng lên, và với mục đích thương mại (được thảo luận ở đoạn 610 và 611 dưới đây), Nhật Bản đã tiến hành một nỗ lực tổng hợp để trồng cây ăn quả trên đảo Ba Bình. Một báo cáo từ năm 1919 đã ghi rằng "một số lượng lớn cây chuối mọc dày khắp nơi trên đảo. Ngoài ra, những con chuột hoang chạy trên cây khắp nơi trên đảo, và gần như tất cả chuối chín đã trở thành thức ăn cho chuột. Trên thực tế, hòn đảo đã bị chuột xâm chiếm."²³ Trước năm 1933, đảo Ba Bình được mô tả là có "một rừng cây đu đủ rậm rạp. Những cây đu đủ vốn được trồng bởi người Nhật Bản đã lan truyền và lưu giữ hạt giống khắp hòn đảo. Ngoài ra, vẫn có những cánh đồng cọ trái dài, cánh đồng dứa và những cánh đồng mía."²⁴

587. Trái lại, *Văn phòng Thực vật học tại Viện Nghiên cứu Nông học Đông Dương (Division Botanique à l'Institut des Recherches Agronomiques de L'Indochine)* ghi lại mức độ thảm thực vật thấp hơn ở đảo Nam Yết và đảo Sơn Ca (Sand Cay). Thảm thực vật ở đảo Nam Yết được mô

¹⁶ Admiralty Hydrographic Office, *China Sea Directory*, Vol. II, p. 70 (1st ed., 1868).

¹⁷ Admiralty Hydrographic Office, *China Sea Directory*, Vol. II, p. 72 (1st ed., 1868).

¹⁸ *Report of the Results of an Examination by the Officers of H.M.S. Rambler of the Slopes and Zoological Condition of Tizard and Macclesfield Banks*, UKHO Ref. HD106 at p. 15 (1888).

¹⁹ Admiralty Hydrographic Office, *China Sea Directory*, Vol. II, p. 71 (1st ed., 1868).

²⁰ Admiralty Hydrographic Office, *China Sea Directory*, Vol. II, p. 74 (1st ed., 1868).

²¹ Admiralty Hydrographic Office, *China Sea Directory*, Vol. II, p. 66 (1st ed., 1868).

²² Letter from Commander Ward, HMS Rifleman, to the Hydrographer of the Admiralty (29 July 1864).

²³ U. Kokura, *The Islands of Storm*, pp. 182-183 (1940).

²⁴ "Look, Japan Made Significant Marks Everywhere," *Osaka Asahi Shimbun* (6 September 1933).

tả là “chất lượng nghèo nàn hơn ở đảo Ba Bình”.²⁵ Báo cáo ghi lại một số cây nhất định “khá phong phú” nhưng chỉ có khoảng 15 cây dừa “là những cây duy nhất trên đảo”.²⁶ Báo cáo cũng ghi lại rằng đảo Sơn Ca không có cây, và mô tả thảm thực vật là “thân thảo” nhưng “ôm yếu”.²⁷

588. Nguồn gốc của các loại cây trồng ghi nhận trên đảo Ba Bình được làm rõ trong một báo cáo năm 1939 về các hoạt động thương mại trong giai đoạn có sự hiện diện của Nhật Bản ghi lại như sau:

Công ty đã nỗ lực phát triển hòn đảo để cư ngụ, và nghiên cứu nhân giống cây cọ, canh tác đu đủ, dừa và chuối, chiết xuất dầu dừa, tận dụng đu đủ, chế biến dừa, v.v., và công ty đã trồng rau để cung cấp lương thực.

Đu đủ phát triển mạnh mẽ khắp nơi trên Long Island²⁸, và hòn đảo này còn được gọi là Đảo Đu đủ (Island of Papayas).²⁹

589. Một báo cáo khác của Nhật Bản năm 1939 ghi lại như sau:

Đối với các loại cây, ngoài những cây ngắn từ hai đến ba mét, có 131 cây cọ cao từ 7 đến 10 mét, cho rất nhiều trái cây mỗi năm. Ngoài ra, có 31 cây thân cứng, có chu vi 2 mét và cao 15 mét. Hơn nữa, có 80 cây thân mềm, có chu vi 1 mét và cao khoảng 10 mét. Bên cạnh đó, có rất nhiều cây, có chu vi 20 cm và cao khoảng 3 mét phát triển mạnh mẽ. Ngoài những cây trên, còn có một số cây đu đủ và chuối.

Phần lớn đất trống nói trên đã bắt đầu được sử dụng như đất nông nghiệp, và cải thảo và củ cải được trồng ở đó.

Đối với động vật, nhiều đàn gà và lợn được nuôi ...³⁰

590. Ghi chép của Nhật Bản được xác nhận bởi người Pháp, trong một báo cáo năm 1936 của Văn phòng Thực vật học tại Viện Nghiên cứu Nông học Đông Dương, cung cấp tài liệu lịch sử chi tiết nhất về thảm thực vật trên đảo Ba Bình:

²⁵ “Visite Botanique au Récif Tizard,” *Bulletin économique de l’Indo-Chine*, pp. 772 (September-October 1936) (dịch từ bản gốc tiếng Pháp).

²⁶ “Visite Botanique au Récif Tizard,” *Bulletin économique de l’Indo-Chine*, pp. 772 (September-October 1936) (dịch từ bản gốc tiếng Pháp).

²⁷ “Visite Botanique au Récif Tizard,” *Bulletin économique de l’Indo-Chine*, pp. 772 (September-October 1936) (dịch từ bản gốc tiếng Pháp).

²⁸ Long Island là tên được dịch từ tiếng Nhật của đảo Ba Bình – chú thích của BTV

²⁹ Y. Yamamoto, “The Brief History of the Sinnan Islands,” *Science of Taiwan*, Vol. 7, No. 3 (1939).

³⁰ H. Hiratsuka, “The Extended Base for the Expansion of the Fishery Business to Southern Area: New Southern Archipelago—On-Site Survey Report,” *Taiwan Times* (May 1939).

Đúng như dự đoán, thảm thực vật của hòn đảo này rất nghèo nàn về chủng loại. Bên cạnh những cây trồng được nhập khẩu: một trăm cây dừa (liên kết chặt chẽ ở phần phía Nam của đảo và đã phát triển đầy đủ cho đến nay từ thời điểm trước đó), dầu thầu dầu và cây đu đủ rải rác quanh đảo, có 20 loài đã được xác định.

Phía đông và phía nam của đảo, được bảo vệ tốt hơn trong mùa mưa, được bao phủ bởi thảm thực vật tuyệt đẹp, các loài quý hiếm được tìm thấy nhiều hơn trong đất giàu phốt phát. Phía bắc và phía tây, ngược lại, mặc dù có cùng các loài thực vật, được che phủ với thảm thực vật hẻo lánh, rụng lá, và rất nhiều cây chết.

Cây sinh trưởng mạnh nhất là *Gordia subcordata* (Boraginées) cao trên 20 mét, thân cây có đường kính lên đến 2 mét. Loài cây này khá nhiều và rải rác khắp đảo, đặc biệt là ở trung tâm của đảo.

Hai cây *Erythrina indica*, cũng ở trung tâm của đảo, cao 20 mét với thân cây có đường kính 1 mét.

Từ trung tâm và phía đông có một cây hạnh nhân nhiệt đới (*Terminalia Catappa*) nhỏ cao khoảng 5 đến 6 mét, hầu hết là mầm của hạnh nhân nhiệt đới cổ đại, không còn nghi ngờ gì nữa, đã được những người khai thác phốt phát sử dụng. Trong số các cây trên đảo, chỉ có 1 cây *Calophyllum inophyllum*, rất khỏe mạnh, đạt chiều cao 5-6 mét.

Về phía đông bắc, hai mươi cây *Macaranga*, loài thực vật này không thể xác định vì không có hoa và quả, đạt chiều cao 15 đến 20 mét. Những cây này nằm sát một số cây *Ochrosia borbonica* cao 10 mét có quả hình trứng chảy ra một loại mủ trắng.

Đây là những cây duy nhất hiện diện trên đảo. Một số loài cây bụi cũng mọc ở đó. Một trong số đó, *Scaevola Kocniarii* (Goode niacée), cao tới 5-6 mét, tạo thành một vành đai thực vật quanh đảo, không để lộ bất cứ thứ gì ngoài những bãi biển cát trắng. Nhưng trong khi ở phía nam, những bụi cây này phát triển mạnh, rất xanh và được che phủ bởi quả màu trắng - ở phía bắc, những cây này lại chết, và tạo thành không quá một hàng rào các nhánh cây.

Ở trung tâm của đảo, một số loài *Guettarda speciosa* cao từ 2 đến 4 mét. sống lẫn với *Morinda citrifolia* (loài *bracteata*) một loài phát triển mạnh và nhiều quả.

Phía tây nam của đảo, lãnh địa của *Umlaut volutina* (Urticaceae) thuộc họ *Gapsicum fruticosum* (Solanaceae) với quả đỏ, *Clitoria macrophylla* (Papilionaceae) bị xâm chiếm

một phần bởi *Capparis pumila*, được trộn với thầu dầu có thể được du nhập bởi các thợ mỏ khai thác phốt phát. Ở khắp mọi nơi, cũng có đu đủ, có lẽ cũng được du nhập.

Môi trường sống được cung cấp bởi một số loài thảo mộc. Một cây dương xỉ, loài *Blechnum* sp., đạt chiều cao hơn 1 mét, tạo thành một bụi dày gần như không thể xâm nhập trên một phần lớn diện tích đảo. Một số loại trầm tích, *Mariscus albescens*, mọc ở gốc của cây Chi Ngát (*Cordia*) và dường như đang héo vì khô nước. Một số loại cỏ: *Thuaria sarmentosa* và *Ischoemum* sp. mọc lẫn lộn với nhau ở một vài nơi và dọc theo bãi biển. Cuối cùng, về phía nam và trung tâm của hòn đảo, có lẽ nơi thảm thực vật nguyên thủy đã bị phá hủy để khai thác phốt phát, có một tấm thảm vô tận loài *Ipomoea biloba* phủ đầy hoa và trái cây màu tím hoặc trắng. Ở phía Bắc, lớp phủ mặt đất bao gồm một loại dây leo *Tilliacée*, *Triumfetta radicans*, nằm ở bãi biển và bên trong hòn đảo.

Để hoàn chỉnh việc xem xét thảm thực vật này, ở phía tây nam của các hòn đảo, có một vài cây *Pandanus* có nhiều trái cây lớn.

Nói tóm lại, như đã được dự kiến và ngoài các loại cây được du nhập, thảm thực vật rất nghèo vì nó bị giảm xuống còn hai mươi loài.

Hòn đảo bây giờ đã bị bỏ hoang hoàn toàn và các khu vực trống sẽ có thể tái sinh với các loài tương tự với những loài hiện có.³¹

591. Trước năm 1947, sau chiến tranh, đảo Ba Bình được mô tả như sau:

Có nhiều loài cây nhiệt đới sinh trưởng ở đây – vùng đất này đặc biệt được bao phủ bởi những cây rau muống xinh đẹp màu đỏ và tím nhạt, loài cây cũng khá phổ biến ở những bờ biển Đài Loan. Rau muống là một phần của họ *Verbenaceae* (*Lippia Nodiflora* (L.) L. C. Rich), và tên tiếng Trung là *Guojiangteng* (*Quwucáo*). Có rất nhiều những hạt *Barbados* (họ *Nyctaginaceae* (*Pisonia alba* Spanoghe), tên tiếng Trung là *Bishuang*) và *Yinye Zidan* (họ *Tournefortia* *Argentea* L. f., *Boraginaceae*) (chủ yếu lớn lên trên cát bên bờ biển (AG-12), và những cây này mọc rất dày. Hạt *Barbados* phát triển rất nhanh, nhưng gỗ lại không cứng; những cây có đường kính trên 10 centimet thường chỉ cần một người là có thể quật ngã chúng. Những loài cây này không thể dùng vào mục đích nào khác ngoài làm củi. Các đảo này cũng có cả dừa và chuối, vị của chúng khá ngon, nhưng lại không có nhiều. Đu đủ và thầu dầu cũng sinh trưởng rất tốt; hai loại cây này được trồng với số lượng lớn. Quân đội đóng trên đảo dọn sạch đất để trồng rau, và chúng có

³¹ “Visite Botanique au Récif Tizard,” *Bulletin économique de l’Indo-Chine*, pp. 770-771 (September- October 1936) (translation from the French original).

*thể phát triển được, nhưng có một số lượng lớn sâu bệnh. Chuối đảo Thái Bình (đất của đảo) có thể canh tác để cung cấp trái cây và rau cho quân đội đóng trên đảo mà không có vấn đề gì; nhưng điều này không có ý nghĩa nếu trồng lương thực để tiêu thụ.*³²

592. Hình ảnh của đảo Ba Bình từ năm 1951 cũng chỉ ra rằng đảo này được cây cối bao phủ dày đặc.³³

593. Tòa trọng tài xem xét hồ sơ để chỉ ra rằng Ba Bình và Thị Tứ là những thực thể được phủ rừng dày nhất trong trạng thái tự nhiên của chúng, cùng với những thực thể khác được bao phủ bởi bụi cây thấp, cỏ và bụi rậm dày. Hơn nữa, ít nhất đảo Ba Bình cũng có vẻ như dễ du nhập loài mới và dễ canh tác đủ đủ và chuối, ngay cả khi những loài đó không nhất thiết xuất hiện một cách tự nhiên. Các thực thể này cũng có vẻ như đã trải qua sự mất cân bằng phổ biến với các đảo nhỏ phải đối mặt với các loài ngoại lai, dẫn đến sự thay đổi nhanh chóng trong hệ thực vật và động vật.

(c) Đất và tiềm năng nông nghiệp

594. Ghi chép lịch sử được trình trước Tòa chứa đựng ít thông tin liên quan đến chất lượng đất trên các thực thể của quần đảo Trường Sa, và những chi tiết này nhìn chung không được ghi lại trong các ghi chép lịch sử. HMS Rambler ghi lại năm 1888 rằng trên đảo Nam Yết, “đất của đảo có màu rất nâu và trông rất nhiều đất ở trên bề mặt, nhưng phía dưới thì lại là lớp đá oolit lỏng lẻo”.³⁴ Văn phòng Thực vật học tại Viện Nghiên cứu Nông học Đông Dương đã đến đảo Ba Bình năm 1936 và đã ghi lại sự hiện diện của cát san hô, phát phát tự nhiên và phân chim. Họ cũng đã phân tích một mẫu đất trung bình và xác định rằng 87% trong số đó chứa cát.³⁵ Ngoài ra, một báo cáo của Nhật Bản về đảo Ba Bình năm 1939 có ghi lại rằng nó “được bao phủ bởi đất đen”.³⁶ Không có các quan sát đất biệt chuyên sâu về tiềm năng nông nghiệp thực thể này.

595. Các bằng chứng khoa học gần đây khá đa dạng. Một nghiên cứu của Trung Quốc năm 1947 bàn về hai loại đất trên đảo Ba Bình và kết luận rằng càng có nhiều “rau muống tươi tốt; thì cây dưa và cây chuối càng sinh trưởng tốt, mặc dù chưa được trồng nhiều; và cây dầu thầu dầu phát

³² L. Xi, “Summary of Land of Guangdong Nansha Islands,” *Soil Quarterly*, Vol. 6, No. 3, p. 77 at p. 80 (1947) (Annex 885).

³³ HMS Dampier, *Report on Visit to Itu Aba and Spratly Islands*, UKHO Ref. H02716/1951 (1951).

³⁴ *Report of the Results of an Examination by the Officers of H.M.S. Rambler of the Slopes and Zoological Condition of Tizard and Macclesfield Banks*, UKHO Ref. HD106 at p. 15 (1888).

³⁵ “Visite Botanique au Récif Tizard,” *Bulletin économique de l’Indo-Chine*, pp. 773-775 (September- October 1936) (dịch từ bản gốc tiếng Pháp).

³⁶ “Determination Regarding Jurisdiction of New Southern Archipelago will be Announced Today,” *Osaka Asahi Shimbun* (18 April 1939).

triển rất tốt và tăng trưởng vượt bậc.”³⁷ Một nghiên cứu tương tự cũng đã ghi lại rằng "khoảng 250 mét về phía Đông của đài phát thanh và hơi lệch về phía Bắc, trong những bụi cây dầu mè, có một khoảnh đất thực vật nhỏ khoảng 2 mu [1,333 mét vuông]; các loại thực vật phát triển một cách rõ rệt nhưng bị sâu bệnh.”³⁸ Một báo cáo khác năm 1994, được chỉ ra rõ ràng trong các báo cáo khoa học, miêu tả đất trên đảo Ba Bình như sau:

*Các lớp cát tích tụ ở khu vực trung tâm của đảo. Các lớp phân chim dày tới 30cm. Các lớp thấp hơn là lớp phân chim bị hóa thạch. Đặc biệt là ở khu vực phía tây của đảo, các lớp phân chim dày tới 1 mét. Trong nhiều trường hợp, các lớp này có chứa đất mùn và vì vậy con người có thể canh tác trên đó.*³⁹

596. Tòa trọng tài cũng lưu ý cảnh báo của Philippines rằng nền nông nghiệp hiện tại có thể liên quan đến việc sử dụng nguồn đất được đưa từ bên ngoài vào,⁴⁰ cũng như bằng chứng chuyên gia của Philippines cho rằng khả năng đất trên đảo Ba Bình có thể duy trì canh tác mở rộng là thấp, và năng suất canh tác cũng vậy⁴¹. Cuối cùng, Tòa trọng tài xem xét bằng chứng tốt nhất là dấu hiệu rõ ràng cho thấy trái cây và rau quả đã được trồng trên đảo Ba Bình trong giai đoạn Nhật Bản hoạt động thương mại (xem đoạn 589 ở trên và đoạn từ 610 đến 611 ở dưới). Tòa nhận thấy không có bằng chứng liên quan đến việc nhập khẩu đất và kết luận điều này có khả năng lớn phản ánh khả năng của thực thể này trong điều kiện tự nhiên. Đồng thời, Tòa chấp nhận quan điểm về khả năng canh tác bị giới hạn và nông nghiệp trên đảo Ba Bình tự nó sẽ không đủ để hỗ trợ một lượng dân số lớn. Tòa cũng xem xét rằng khả năng của các thực thể khác ở quần đảo Trường Sa thậm chí còn hạn chế hơn và việc canh tác nhiều ngoài phạm vi các thực thể lớn hơn và được bao phủ bởi thực vật như đảo Ba Bình và đảo Thị Tứ sẽ là khó khăn.

(d) Sự hiện diện của ngư dân

597. Một báo cáo trước Tòa đã đưa ra chứng cứ về sự hiện diện cố định của một số lượng nhỏ ngư dân, chủ yếu là từ Hải Nam, trên các thực thể chính của quần đảo Trường Sa. Trích dẫn mô tả về cụm san hô Nam Yết trong ấn bản năm 1868 của *Danh mục Biển Trung Hoa* như sau:

Ngư dân Hải Nam, những người sống nhờ vào việc thu gom hải sâm và mai đôi môi được tìm thấy trên hầu hết các hòn đảo này, một số ngư dân trong số đó vẫn sinh sống nhiều năm giữa các rạn san hô. Các thuyền mảnh từ Hải Nam ghé thăm các đảo và

³⁷ L. Xi, "Summary of Land of Guangdong Nansha Islands," *Soil Quarterly*, Vol. 6, No. 3, p. 77 at p. 79 (1947).

³⁸ L. Xi, "Summary of Land of Guangdong Nansha Islands," *Soil Quarterly*, Vol. 6, No. 3, p. 77 at p. 79 (1947).

³⁹ N. Fujishima, "Discussions on the names of islands in the Southern China Sea," *The Hokkaido General Education Review of Komazawa University* Vol. 9, p. 56 (1994).

⁴⁰ Written Responses of the Philippines, para. 98 (11 March 2016).

⁴¹ First Motavalli Report

*rạn san hô trên Biển Trung Hoa hàng năm mang theo gạo và các nhu yếu phẩm khác để đổi lấy hải sản và các vật phẩm khác với ngư dân và sau đó chuyển các món lợi về nhà; các thuyền mảnh rời Hải Nam vào tháng 12 hoặc tháng 1 và quay trở lại vào ngày gió mùa Tây Nam đầu tiên. Ngư dân trên đảo Ba Bình được định cư thoải mái hơn những ngư dân khác.*⁴²

599. Một báo cáo về việc người Pháp đến đảo Ba Bình năm 1933 đã ghi lại “Người Trung Quốc đến từ Hải Nam xoay sở để sinh tồn trên các cồn san hô (các đảo đá nhỏ bao quanh bởi các rạn san hô) nhờ vào việc đánh bắt rùa và hải sản, cũng như nhờ vào một khu vực nhỏ có trồng dừa, chuối và khoai tây”.⁴³ Chuyến đi sau đó của *Văn phòng Thực vật học tại Viện Nghiên cứu Nông học Đông Dương* năm 1936 đã ghi lại “có vẻ như những người duy nhất trên đảo ở thời điểm hiện tại là ngư dân Trung Quốc và Nhật Bản được những con thuyền đi biển thả xuống và đón lên trong các chuyến hành trình theo mùa từ Trung Quốc – Singapore và từ Nhật Bản – Singapore và ngược lại”.⁴⁴ Cuối cùng, một báo cáo của Chính phủ Pháp năm 1939, mô tả quần đảo Trường Sa ghi lại rằng “Không còn nghi ngờ rằng từ thời xa xưa, những hòn đảo này đã được lui tới và thậm chí được tạm thời cư ngụ bởi ngư dân Trung Quốc, Mã Lai và An Nam, những người đã tạo ảnh hưởng đến các khu vực này”.⁴⁵

600. Vào năm 1951, tàu HMS Dampier đã ghi lại chuyến viếng thăm đảo Ba Bình và đã miêu tả về cuộc gặp gỡ với một nhóm người Philippines, và các cá nhân khác đến từ Hải Nam, mặc dù mục đích của những người này ở trên đảo Ba Bình được ghi lại là không rõ ràng và cũng không có ngư cụ nào được tìm thấy.⁴⁶

601. Tóm lại, Tòa kết luận rằng quần đảo Trường Sa đã được sử dụng bởi các nhóm nhỏ ngư dân từ xưa. Dựa trên tài liệu tham khảo rõ ràng từ năm 1868, Tòa cũng thừa nhận rằng một số cá nhân này đã có mặt tại quần đảo Trường Sa trong một thời gian tương đối dài, với mạng lưới thương mại và cung cấp liên tục được thiết lập. Đồng thời, tổng số cá nhân sinh sống trong khu vực này có vẻ đã bị hạn chế một cách đáng kể.

(c) Các hoạt động thương mại

602. Ấn bản năm 1941 của *Hoa tiêu Nhật bản dành cho Đài Loan và các Đảo phía tây nam (Japanese Pilot for Taiwan and the Southwest Islands)* đã cung cấp hướng thuyền buồm cho Biển

⁴² Admiralty Hydrographic Office, *China Sea Directory*, Vol. II, p. 71 (1st ed., 1868).

⁴³ “French Flag over the Unoccupied Islets,” *The Illustration* (15 July 1933).

⁴⁴ “Visite Botanique au Récif Tizard,” *Bulletin économique de l’Indo-Chine*, p. 771 (September-October 1936) (dịch từ bản gốc tiếng Pháp).

⁴⁵ “Les Iles Spratly,” Document No. 210, p. 7 (5 April 1939).

⁴⁶ HMS Dampier, *Report on Visit to Itu Aba and Spratly Islands*, UKHO Ref. H02716/1951 (1951).

Đông, bao gồm cả phần giới thiệu khái quát, mô tả các hoạt động thương mại của người Nhật Bản trong khu vực từ năm 1917 đến 1939 như sau:

Nhóm đầu tiên được khám phá bởi MATSUJI HIRADA vào tháng 6 năm 1917; tiếp theo Công ty RASASHIMA Phosphate (nay là Công ty RASASHINA WORKS) đã thực hiện 3 cuộc thám hiểm từ năm 1918 đến năm 1923 và mặc dù các hoạt động khai quật đã được lên kế hoạch tại [đảo Ba Bình] và [các cồn san hô phía Đông Bắc và Tây Nam] các hoạt động bị hoãn lại vào năm 1929 vì lý do việc kinh doanh tuột dốc và tất cả nhân sự bị thu hồi. Sau đó vào năm 1937, Kaiyo Kogyo Kabushiki Kaisha (Công ty TNHH Ocean Exploration Industrial) bắt đầu một cuộc điều tra các nguồn tài nguyên công nghiệp của các đảo này và đồng thời tạo ra lợi ích công cộng chủ yếu thông qua dự báo thời tiết liên lạc với các tàu cá, cung cấp nguồn bổ sung, hỗ trợ tàu đắm, v.v... Gần đây nhất, công ty Nanyo Kohatsu Kabushiki Kaisha (Công ty TNHH Southern Ocean Enterprise) đã bắt đầu lên các kế hoạch khai thác phát phốt phát và Hakuyo Suisan Kabushiki Kaisha (Công ty TNHH Ocean Exploration Marine Products) khai thác sản phẩm biển; từ đó, các nhân sự từ hai công ty này thường trú tại [đảo Ba Bình] tổng số người khoảng 130 kể cả cán bộ của công ty.

Trên cơ sở lịch sử này, Chính phủ Hoàng gia đã chính thức tuyên bố sở hữu nhóm này vào ngày 30 tháng 3 năm 1939. Tuy nhiên, Chính phủ Pháp vào tháng 7 năm 1933, khi phát hiện ra các quần đảo và đảo mới ở khu vực tiếp giáp Biển Đông đã tuyên bố sở hữu [Quần đảo phía Nam]; hiện tại ở gần phía cuối Đông của [đảo Ba Bình] có khoảng 20 người định cư vĩnh viễn được cho là người của Công ty Pháp Đông Dương có đăng ký.⁴⁷

603. Theo quan điểm của Tòa, bản tóm tắt này tương ứng với các bằng chứng khác trong các hồ sơ liên quan đến các hoạt động thương mại và công nghiệp của Nhật Bản trên đảo Ba Bình và đảo Song Tử Tây. Báo cáo của tàu HMS Iroquois năm 1926 về đảo Song Tử Tây đã xác nhận sự hiện diện đáng kể của hoạt động khai thác phân chim biển:

Hòn đảo này là nơi sinh sản của các loài chim biển, và được bao phủ bởi phân chim, việc xuất khẩu phân chim đôi khi còn được tiến hành trên một quy mô lớn. Liên quan đến việc này, một số nhà kho thấp bằng gỗ và các tòa nhà đã được dựng lên ở phía nam của đảo, tuy nhiên vào tháng 5 năm 1926 có vẻ như các nhà

⁴⁷ Bản dịch tiếng Anh của *Japanese Pilot for Taiwan and the South-West Islands*, Vol. V, p. 243 (March 1941 ed.), "Sailing Directions for Shinnan Guntao," UKHO Ref. H019893/1944.

kho này đã bị bỏ hoang một thời gian. Một lối mòn nhỏ chạy dài từ một mỏ đá phân chim biển ở trung tâm của đảo đến một bến tàu ở phía nam.

Bến tàu. Một bến tàu bằng gỗ, dài 330 feet theo hướng đông nam, và ở đầu ngoài có độ sâu ít nhất 1 foot (0,3m) khi nước cạn, nằm gần trung tâm phía đông nam của đảo. Nó nối dẫn với lối mòn nhỏ được đề cập ở trên, và vào tháng 5 năm 1926 ở trong tình trạng sửa chữa kém chất lượng.⁴⁸

604. Kết cấu hạ tầng tương tự cũng nhìn thấy rõ ràng trong biểu đồ năm 1926 của cụm Song Tử, được tái hiện dưới Hình 11 ở trang 248.

605. Mặc dù tàu HMS Iroquois đã mô tả rằng các cơ sở vật chất là không hoạt động, một báo cáo của Anh năm tiếp theo đã ghi lại:

Vào tháng 7 năm 1927, H.M.S. Caradoc đã đến thăm rạn san hô và tìm thấy một chiếc thuyền buồm của Nhật Bản nằm gần bến tàu; có khoảng 8 người trên tàu và ít nhất 12 người sống trên bờ. Những người Nhật này nói rằng có khoảng 3.000 đến 5.000 tấn phân chim biển đã được xuất khẩu hàng năm, có một con tàu hơi nước vận chuyển hàng hóa này mỗi năm một lần.⁴⁹

606. Một cơ sở khai thác tương tự được thành lập trên đảo Ba Bình vào năm 1921 và sau này được mô tả như sau:

Việc khai thác quặng phốt phát bắt đầu hoạt động toàn diện vào năm 1921. Trên Long Island, nơi là cơ sở khai thác mỏ, các cơ sở vật chất khác cho việc khai thác cuối cùng đã được chuẩn bị: ví dụ, ký túc xá, nhà kho, văn phòng, phòng khám, phòng phân tích, trạm thời tiết, v.v... đã được xây dựng; một cầu cảng với chiều dài 84 KEN⁵⁰ được xây dựng trên biển để nhận hàng hóa trên tàu; và các con đường được xây dựng trong khu vực khai thác mỏ. Vào thời điểm đó có khoảng 200 người Nhật sống ở đó, và người ta nói rằng con số này đạt khoảng 600 người vào năm 1927. Trong thời gian này, công ty đã khai thác 25.900 tấn phân chim biển, và giá trị của nó là khoảng 727.000 yên.⁵¹

607. Một báo cáo khác trong cùng năm đã ghi lại như sau:

⁴⁸ HMS Iroquois, *Sailing Directions to accompany Chart of North Danger (North-East Cay and South-West Cay)*, p. 1 (1926).

⁴⁹ Sailing Direction for the Dangerous Ground, UKHO Ref. HD384, p. 4 (1944 ed.).

⁵⁰ KEN: Đơn vị đo lường của truyền thống của người Nhật

⁵¹ Y. Yamamoto, "The Brief History of the Sinnan Islands," *Science of Taiwan*, Vol. 7, No. 3 (1939).

Đảo Ba Bình, còn được gọi là Long Island và là đảo có giá trị kinh tế. Hòn đảo này là hòn đảo lớn nhất trong quần đảo New Southern, và Công ty Rasa Island Phosphate Ore Ltd., thuộc Bộ Nam Đại Dương đã khai thác quặng photphát ở đây từ năm 1924 đến năm 1926. Các văn phòng, ký túc xá và cầu tàu được xây dựng trên mặt đất, và khoảng 200 nhân viên tham gia khai thác mỏ.⁵²

608. Tuy nhiên đến năm 1933, các hoạt động khai thác rõ ràng đã chấm dứt. Khi người Pháp chiếm đảo Ba Bình một thời gian ngắn trong năm đó, nó đã bị bỏ hoang và được mô tả như sau:

Hòn đảo bị bỏ hoang, nhưng hai người từng cư ngụ đã để lại dấu vết của họ: giếng xi măng, phần còn lại của cầu sắt, đường sắt rỉ sét trên bờ kè, và một đồng photphát bị bỏ rơi đã làm bằng chứng cho sự tồn tại của một doanh nghiệp Nhật Bản có từ năm 1925; sau đó là một túp lều làm bằng lá, một cánh đồng khoai tây tươi tốt, một bàn thờ nhỏ với nến vàng mã và lư hương thờ các vị Thần Lar của ngư dân Trung Quốc. Một tấm bảng treo trên một túp lều, toàn bộ được khắc các ký tự tạm dịch là “Tôi, Ti Mung, Chủ tàu, đến đây vào ngày trăng tròn tháng 3 để mang thức ăn cho bạn. Tôi không tìm thấy ai cả, tôi đã để gạo giấu trong những tảng đá và tôi rời đi.”⁵³

609. Một bài báo của Nhật Bản trong cùng năm đã ghi lại những dấu vết còn lại của hoạt động khai thác:

Hơn 10.000 tấn quặng photphát được lưu trữ ở đây trông giống như một bức tường của lâu đài. Một bờ đất bảo vệ theo phong cách Nhật Bản đã được dựng lên trên bờ biển, và các khung của một bể nước lớn đã bị bỏ hoang: người ta nói rằng các tấm sắt đã bị cướp biển lấy đi. Tất cả các tòa nhà đã bị phá hủy, và khu vực ẩm ướt trở thành một khu rừng đù đủ. Hầu hết tất cả gỗ đã được di chuyển đến những nơi khác, và chỉ còn lại những cột cờ bê tông của giếng dầu; điều này đã được tiến hành một cách triệt để hơn cả cách mà những con sói đang đói nuốt chửng con mồi của chúng. Máy trọng lượng, được đặt ở nơi từng là phòng phân tích, là thứ duy nhất bảo vệ nền khoa học Nhật Bản mà sau đó đã lan truyền về phía nam.⁵⁴

⁵² “Determination Regarding Jurisdiction of New Southern Archipelago will be Announced Today,” *Osaka Asahi Shimbun* (18 April 1939).

⁵³ “French Flag on the Unoccupied Islands,” *Illustration* (1933).

⁵⁴ “Look, Japan Made Significant Marks Everywhere,” *Osaka Asahi Shimbun* (6 September 1933).

610. Tuy nhiên, đến năm 1937, sự hiện diện sự thương mại mới của Nhật Bản đã được thành lập trên đảo Ba Bình dưới hình thức Công ty Kaiyo Kogyo, tham gia vào ngành công nghiệp đánh bắt cá. Điều này được xác nhận trong báo cáo trong chuyến thăm của tàu HMS Herald đến khu vực này trong năm đó, có mô tả như sau:

Một công ty đánh bắt hải sản cũng hoạt động trên đảo và tham gia vào ngành công nghiệp rùa biển. Có khoảng 40 người, theo diện mạo thì chủ yếu là người Đài Loan sống trong những túp lều bằng gỗ lớn. Quản lý của công ty, người chỉ hiểu một vài từ tiếng Anh, ông Sadae Chiya, Công ty TNHH Kaiyokogyo, Takao Formosa. Ông sống trong một căn lều nhỏ có hai phòng xinh xắn.

Ngoài ra trên đảo còn có một máy phát điện, và một số thiết bị trông giống như bộ thiết bị truyền và nhận nhỏ không dây.⁵⁵

611. Một báo cáo của Nhật Bản vào năm 1939 cũng đã xác nhận thông tin tương tự:

Trong thời kỳ đầu Chiêu Hòa, khu vực xung quanh đảo đã trở thành nơi đánh bắt cá ngừ và các loài giáp xác quy mô lớn có cơ sở tại Thành phố Cao Hùng, và người Nhật đã hoạt động ở đó. Họ lấy nước trên Long Island (đảo Ba Bình) và Song Tử (North Danger) (cũng được gọi là Danger Island). Nói cách khác, tại thời điểm đó, nơi này đã được phát triển một cách đáng kể như một cơ sở thủy sản tiên tiến của Cao Hùng, và do đó các ngư dân của Cao Hùng lấy làm lạ khi chính phủ thông báo rằng địa điểm này sẽ được hợp nhất với Cao Hùng sau tất cả những năm vừa qua. Sau đó, Công ty Kaiyo Kogyo được thành lập theo đề nghị của ông Sueharu Hirata, cư dân của thành phố Cao Hùng vào năm 1935. Mục đích của công ty là ngư nghiệp và khai thác quặng phốt phát. Công ty có trụ sở tại Long Island có nhân viên ở đó và đã hoạt động kinh doanh đến nay.⁵⁶

612. Trong thời kỳ chiến tranh, đảo Ba Bình được sử dụng như một căn cứ hoạt động của lực lượng Nhật Bản và bị máy bay của Hải quân Hoa Kỳ đánh bom vào tháng 5 năm 1945.⁵⁷ Báo cáo của tàu HMS Dampier về chuyến thăm đảo vào năm 1951 ghi lại “tàn tích của những gì từng là mối quan tâm lớn, trước khi nó bị phá hủy bởi đạn và/hoặc bom”.⁵⁸ Các bức ảnh chụp trong

⁵⁵ HMS Herald, *Report of 1937 Visit to Thitu and Itu Aba*, UKHO Ref. H2499/1937 at p. 3 (1937).

⁵⁶ “Determination Regarding Jurisdiction of New Southern Archipelago will be Announced Today,” *Osaka Asahi Shimbun* (18 April 1939). The Shōwa era, referred to in this quotation, began in 1926, corresponding with the ascension of the Emperor Shōwa (Hirohito) to the imperial throne of Japan.

⁵⁷ “The Texts of the Day’s Communiques on the Fighting in Various War Zones,” *New York Times* (4 May 1945); “Australians Widen Borneo Grip; Americans Crash Way into Davao,” *New York Times* (4 May 1945).

⁵⁸ HMS Dampier, *Report on Visit to Itu Aba and Spratly Islands*, UKHO Ref. H02716/1951 at para. 10 (21 April 1951).

chuyến thăm đảo cũng mô tả một số tòa nhà bê tông lớn, mặc dù không rõ đây là những tòa nhà quân sự hay tàn tích của các công trình do Công ty Kaiyo Kogyo xây dựng, hay một cơ sở thương mại khác.

613. Sau chiến tranh, một cuộc khảo sát của Trung Quốc về đảo Ba Bình đã ghi nhận hàm lượng khoáng chất nghèo nàn của phân chim biển được chiết xuất từ quần đảo Trường Sa - một vấn đề có thể giải thích phần nào cho sự thất bại của hoạt động khai thác của Công ty Rasashima Phosphate trong những năm 1920 - và xác định nghề cá là hoạt động thương mại tiềm năng chủ yếu trên các đảo:

Trữ lượng phân chim biển có chứa phốt phát được ước tính là hơn 70.000 tấn. Tuy nhiên, hàm lượng axit photphoric có sẵn quá thấp và không nên được áp dụng trực tiếp. Có sự thay đổi lớn hơn về hàm lượng và chất lượng không đồng đều, do đó nó không thích hợp làm nguyên liệu thô để sản xuất vôi phốt pho. Hơn nữa, axit sulfuric thì đắt tiền, do đó sẽ làm tăng chi phí sản xuất đến mức không còn lợi nhuận kinh tế. Hơn nữa, quần đảo Nam Sa cách cảng Yulin hơn 600 hải lý. Giao thông vận tải bất tiện và không kinh tế, và phân chim biển có chứa phốt phát ở quần đảo Nam Sa không có giá trị lắm. Tuy nhiên, có thể vận chuyển phân chim biển trở lại Quảng Đông khi các con tàu cung cấp hàng cho đảo trở về. Chúng tôi dự định tham gia vào nghiên cứu về việc sử dụng phân chim có chứa phốt phát; nếu có thể cải thiện hiệu quả phân bón, thì nó sẽ đáp ứng nhu cầu của các vùng đất ở miền nam Trung Quốc, vốn thiếu phân bón phốt phát.

Chúng tôi tin rằng ở quần đảo Nam Sa, ngành công nghiệp có triển vọng nhất là đánh bắt cá. Đầm phá là nơi yên tĩnh và là nơi tuyệt vời để đánh bắt cá. Khu vực này có nhiều cá ngừ vằn, bào ngư, cá cơm, cá mập, hải sâm, bọt biển và tảo bẹ. Giá trị nhất là đôi môi và rùa biển, lớn tới 5-600 jin [300 đến 360 kg]. Chúng đẻ trứng trên bãi biển vào những đêm sáng giăng vào mùa xuân và mùa hè; đây là thời điểm dễ nhất để bắt chúng. Thịt của chúng có thể ăn được, có vị như thịt bò và rất bổ dưỡng. Trứng của chúng có thể được sử dụng để chế tạo các loại thuốc có giá trị cao. Kể từ khi Nhật Bản xây dựng một sân phơi cá 30 mét vuông và các cơ sở làm lạnh trên đảo, đã có những kỳ vọng lớn cho ngành công nghiệp thủy sản trong khu vực này.⁵⁹

614. Tuy nhiên, không có bằng chứng về bất kỳ hoạt động đánh bắt cá thương mại nào đã được thiết lập ở quần đảo Trường Sa từ năm 1945. Ngoài ra, căn cứ vào những tiến bộ trong công nghệ

⁵⁹ L. Xi, "Summary of Land of Guangdong Nansha Islands," *Soil Quarterly*, Vol. 6, No. 3, p. 77 at p. 80 (1947).

đóng tàu và đánh bắt cá kể từ ngày đó, Tòa cũng không cho rằng một cơ sở hoạt động trên một đảo nhỏ và cô lập như đảo Ba Bình sẽ là cần thiết về mặt kinh tế, hoặc thậm chí có lợi. Thay vào đó, hồ sơ lịch sử cũng cho thấy chỉ có hoạt động trong một thời gian ngắn của Thomas Cloma của Philippines và cộng sự của ông (những người cũng có thể là người Philippines trên đảo Ba Bình vào năm 1951 đã gặp thủy thủ đoàn của tàu HMS Dampier), những người đã tìm cách xây dựng một kế hoạch thương mại trên các đảo.⁶⁰ Tuy nhiên, không có bằng chứng nào cho thấy rằng ông Cloma hoặc các cộng sự của ông đã từng cư trú tại quần đảo Trường Sa hoặc đã thành công trong việc thu được lợi ích kinh tế tối thiểu từ những nơi này. Malaysia cũng đã thành lập một khu nghỉ mát nhỏ và một công ty lặn biển trên đá Hoa Lau, nhưng hoạt động này chỉ khả thi dựa vào các hoạt động cải tạo đất đáng kể nhằm nói rộng những thực thể đá nhỏ luôn nổi trên rạn san hô; nó không cho thấy khả năng tự nhiên của thực thể này. Trái lại, hoạt động của con người trên quần đảo Trường Sa về bản chất dường như hoàn toàn mang tính chính phủ.

⁶⁰ See generally B. Hayton, *The South China Sea*, pp. 65-70 (2014).

II. Áp dụng Điều 121 và Kết luận của Tòa trọng tài về quy chế của các thực thể

615. Trên cơ sở các bằng chứng trong hồ sơ, Tòa nhận thấy rằng các thực thể nổi ở triều cao chủ chốt ở quần đảo Trường Sa có khả năng cho phép sự tồn tại của các nhóm nhỏ người. Có bằng chứng lịch sử về nước uống, mặc dù chất lượng nước khác nhau, có thể do sự kết hợp của việc tích tụ và lưu trữ nước mưa. Ngoài ra còn có hệ thực vật tự nhiên có khả năng cung cấp nơi trú ẩn và khả năng có thể có ít nhất là nông nghiệp hạn chế để bổ sung nguồn thực phẩm của các vùng biển xung quanh. Hồ sơ chỉ ra rằng một số ít ngư dân, chủ yếu là từ Hải Nam, trước đây đã có mặt trên đảo Ba Bình và các thực thể khác quan trọng hơn và dường như họ đã tồn tại chủ yếu dựa trên nguồn tài nguyên sẵn có (mặc dù có liên quan đến việc chuyển phát gạo hàng năm và các đồ lặt vặt khác).

616. Các thực thể chính của quần đảo Trường Sa không phải là đá căn cỗi hay các cồn cát san hô mà không có nước ngọt, để có thể bị bác bỏ là không thể cư ngụ nếu chỉ dựa trên cơ sở các đặc tính vật lý của chúng. Đồng thời, các thực thể này không hiển nhiên có thể cư ngụ được, và thậm chí khả năng cho phép sự tồn tại của con người ở đây dường như đặc biệt bị giới hạn. Trong những trường hợp này, và với các thực thể gần có khả năng duy trì sự sống của con người, Tòa cho rằng các đặc tính vật lý của các thực thể này không hoàn toàn chỉ rõ khả năng của thực thể này. Theo đó, Tòa được yêu cầu xem xét các bằng chứng lịch sử về sự cư trú của con người và đời sống kinh tế trên quần đảo Trường Sa và các tác động của bằng chứng đó đối với khả năng tự nhiên của các thực thể.

617. Ngoài sự hiện diện của ngư dân đã nêu ở trên, đảo Ba Bình và đảo Song Tử Tây là địa điểm khai thác và đánh bắt cá của Nhật Bản trong những năm 1920 và 1930. Quần đảo Trường Sa cũng là nơi diễn ra các hoạt động phiêu lưu nào đó của Thomas Cloma và các cộng sự của ông vào những năm 1950. Gần đây hơn, nhiều thực thể đã bị biến đổi bởi những nỗ lực cải tạo đáng kể và hiện tại đang là cứ điểm có một số lượng nhân sự lớn, chủ yếu là thuộc về chính phủ. Câu hỏi đầu tiên của Tòa là liệu có bất kỳ hoạt động nào trong số này cấu thành “đời sống của con người” hay một “đời sống kinh tế riêng” theo Điều 121 (3) hay không. Thứ hai là liệu có bằng chứng nào cho thấy rằng hồ sơ lịch sử về hoạt động của con người trên quần đảo Trường Sa không phải là bằng chứng về khả năng tự nhiên của các thực thể này.

(a) Lịch sử cư trú của con người trên các thực thể của quần đảo Trường Sa

618. Đối với Tòa, sự cư trú tạm thời của ngư dân trên quần đảo Trường Sa, thậm chí trong khoảng thời gian dài, không đáp ứng được tiêu chí về đời sống của con người. Như đã thảo luận ở đoạn 542, Tòa cho rằng đời sống của con người có nghĩa là sự cư trú lâu dài trên một thực thể bởi một cộng đồng người ổn định mà đối với họ thực thể này là nhà để họ có thể tồn tại. Lịch sử

hiện diện của ngư dân thể hiện trong hồ sơ trước Toà không đáp ứng được tiêu chuẩn này. Thật vậy, một thực tế là các ngư dân được ghi nhận một cách thống nhất là đến “từ Hải Nam”, hoặc từ nơi khác, là bằng chứng trước Tòa rằng họ không đại diện cho dân số tự nhiên của quần đảo Trường Sa. Không có tài liệu tham khảo nào đề cập đến ngư dân "của đảo Ba Bình", "của Thị Tứ", hoặc "của cụm Song Tử", cũng không có bất kỳ gợi ý nào về việc các ngư dân đi cùng với gia đình của họ. Cũng không có bất kỳ mô tả nào về điều kiện của các thực thể đề cập tới việc hình thành nơi ẩn náu và điều kiện thuận lợi mà Tòa cho rằng sẽ khiến con người có ý định cư trú vĩnh viễn ở các đảo này. Thay vào đó, hồ sơ cho thấy một mô hình tạm trú trên các thực thể nhằm mục đích kinh tế, nơi các ngư dân chuyển lợi nhuận của họ, và cuối cùng trở về đất liền.

619. Kết luận tương tự cũng đúng với các hoạt động thương mại của Nhật Bản trên đảo Ba Bình và đảo Song Tử Tây. Một đội những người lao động Đài Loan, được đưa đến quần đảo Trường Sa để khai thác phân chim hoặc đánh bắt rùa biển, về mặt bản chất vốn chỉ tạm thời: mục tiêu của họ là khai thác nguồn lợi kinh tế của quần đảo Trường Sa để lấy lợi cho dân cư của Đài Loan và Nhật Bản nơi mà họ sẽ trở về. Mục tiêu của họ không phải là xây dựng một cuộc sống mới trên quần đảo này. Điều này hiển nhiên có thể xảy ra, và thường xuyên xảy ra, đó là cái gì ban đầu là một cứ điểm xa xôi của ngành công nghiệp khai khoáng sẽ phát triển qua thời gian thành một cộng đồng ổn định. Tuy nhiên, điều này không xảy ra trong trường hợp của đảo Ba Bình hay đảo Song Tử Tây. Sự hiện diện tạm thời của những người này trên những thực thể này trong một vài năm ngắn không đủ để hình thành một cộng đồng ổn định theo nghĩa của “đời sống con người” trong Điều 121(3).

620. Cuối cùng, Tòa không cho rằng việc đóng quân trên các thực thể ở quần đảo Trường Sa bởi quân đội hay các nhân viên chính phủ của một hay nhiều quốc gia ven biển đủ để tạo thành "đời sống của con người" theo Điều 121(3). Các nhóm này phụ thuộc nặng nề vào nguồn cung bên ngoài, và khó có thể thấy làm thế nào mà có thể nói một cách công bằng là sự hiện diện của họ trên bất kỳ thực thể nào ở Biển Đông tự duy trì được, thay vì nhờ vào một nguồn cung lâu dài và truyền thông liên tục từ đất liền. Quân nhân hoặc các nhân viên chính phủ khác được triển khai tới quần đảo Trường Sa trong nỗ lực hỗ trợ các yêu sách chủ quyền khác nhau mà đã được đưa ra. Không có bằng chứng nào cho thấy họ tự ý chọn sinh sống ở đó, và cũng không thể mong đợi rằng một ai đó sẽ ở lại nếu yêu cầu chính thức về sự hiện diện của họ không còn nữa. Ngay cả khi sự hiện diện của con người hiện tại ở quần đảo Trường Sa bao gồm cả dân thường, ít nhất là trong trường hợp của Thị Tứ và (rất gần đây là) đảo Ba Bình, Tòa cho rằng sự hiện diện của họ ở đây được khuyến khích bởi những tính toán chính thức và điều này sẽ không xảy ra, nếu không phải là vì những yêu sách tranh cãi về chủ quyền đối với các thực thể này.

621. Tòa nhận thấy không có dấu hiệu cho thấy bất cứ điều gì khá giống với một cộng đồng người ổn định đã từng hình thành trên quần đảo Trường Sa. Thay vào đó, các hòn đảo đã từng là nơi trú ẩn tạm thời và là cơ sở hoạt động cho ngư dân và là nơi tạm trú cho những người lao động tham gia khai thác và đánh bắt cá. Sự ra đời của vùng đặc quyền kinh tế không nhằm mục đích trao danh nghĩa các vùng biển rộng lớn cho các thực thể nhỏ mà sự đóng góp mang tính lịch sử của chúng đối với sự cư trú của con người lại thừa thớt như vậy. Vùng đặc quyền kinh tế cũng không được dùng nhằm khuyến khích các quốc gia tạo ra dân số nhân tạo với hy vọng đưa ra các tuyên bố mở rộng, như chính xác những gì đã và đang xảy ra ở Biển Đông. Ngược lại, Điều 121 (3) nhằm mục đích ngăn chặn sự tiến triển theo xu hướng trên và nhằm phòng trước những nỗ lực khiêu khích và phản tác dụng nhằm sản xuất ra các quyền đó.

622. Tòa không thấy có bằng chứng rằng sự thiếu vắng đời sống con người trên quần đảo Trường Sa trong lịch sử là sản phẩm của các lực lượng can thiệp, hay phản ánh năng lực hạn chế của chính các thực thể. Theo đó, Tòa án kết luận rằng đảo Ba Bình, Thị Tứ, Bến Lạc (West York), đảo Trường Sa, đảo Song Tử Đông và đảo Song Tử Tây đều không có khả năng duy trì đời sống con người theo quy định của Điều 121(3). Tòa cũng đã xem xét và kết luận tương tự đối với các thực thể khác, những thực thể luôn nổi khi thủy triều lên nhỏ hơn thuộc quần đảo Trường Sa, những thực thể này thậm chí có ít khả năng duy trì đời sống con người, tuy nhiên việc liệt kê riêng lẻ các thực thể này là không cần thiết.

(b) Lịch sử về đời sống kinh tế riêng của các thực thể trên quần đảo Trường Sa

623. Theo quan điểm của Tòa, tất cả các hoạt động kinh tế ở quần đảo Trường Sa xuất hiện trong hồ sơ lịch sử về bản chất là hoạt động khai thác tự nhiên (ví dụ, khai thác phân chim biển, thu thập vỏ sò và đánh bắt cá), nhằm mục đích không ít thì nhiều, tận dụng nguồn tài nguyên của quần đảo Trường Sa nhằm phục vụ lợi ích người dân Hải Nam, Đài Loan, Nhật Bản, Philippines, Việt Nam, hay nơi khác. Như đã nêu ở đoạn 543, Tòa cho rằng, để cấu thành đời sống kinh tế của thực thể, hoạt động kinh tế phải được định hướng xoay quanh chính thực thể đó và không chỉ tập trung vào lãnh hải xung quanh hoặc là hoàn toàn phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên bên ngoài. Tòa cũng cân nhắc rằng hoạt động khai thác kinh tế, mà không có sự hiện diện của một cộng đồng địa phương ổn định, tất yếu không cấu thành đời sống kinh tế của thực thể đó.

624. Áp dụng tiêu chuẩn này, lịch sử hoạt động khai thác kinh tế không tạo thành, cho các thực thể của quần đảo Trường Sa, bằng chứng về một đời sống kinh tế riêng. Tuy nhiên, trong quá trình đưa ra kết luận này, Tòa đã dành nhiều thời gian và công sức để nhấn mạnh rằng hiệu lực của Điều 121(3) không nhằm từ chối các nước lợi ích tài nguyên kinh tế của các đảo đá nhỏ và các thực thể trên biển. Các thực thể này vẫn là đối tượng của yêu sách chủ quyền lãnh thổ và sẽ

tạo ra một lãnh hải 12 hải lý, miễn là chúng vẫn ở trên mặt nước ở triều cao. Đúng ra, hiệu lực của Điều 121(3) là nhằm ngăn chặn những thực thể như vậy - mà lợi ích kinh tế của chúng, nếu có, đối với quốc gia kiểm soát chúng chỉ là nguồn tài nguyên đơn thuần - không tạo ra quyền được hưởng vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa 200 hải lý, mà sẽ xâm phạm những quyền được tạo ra bởi một vùng lãnh thổ có người ở hoặc xâm phạm khu vực dành riêng cho di sản chung của nhân loại.

625. Tòa kết luận rằng đảo Ba Bình, Thị Tứ, Bến Lạc, đảo Trường Sa, đảo Song Tử Tây và đảo Song Tử Đông không có khả năng duy trì một đời sống kinh tế riêng theo nghĩa của Điều 121(3). Tòa cũng đã xem xét và đưa ra kết luận tương tự đối với các thực thể khác, những thực thể luôn nổi khi thủy triều dâng nhỏ hơn ở quần đảo Trường Sa, những thực thể này thậm chí có ít khả năng duy trì một đời sống kinh tế riêng hơn, tuy nhiên việc liệt kê riêng lẻ các thực thể này thì không cần thiết.

626. Với việc Tòa kết luận rằng không có bất kỳ thực thể luôn nổi khi triều dâng nào ở quần đảo Trường Sa có khả năng duy trì sự sống của con người hay có một đời sống kinh tế riêng, tính hiệu lực của Điều 121(3) thể hiện ở chỗ các thực thể như vậy sẽ không có vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa.

NHÀ TÀI TRỢ

Ấn phẩm được hỗ trợ kinh phí từ quỹ tài chính chung của Dự án Sự Ký Biển Đông, được tài trợ bởi những nhà tài trợ sau:

I. Tổ chức



II. Cá nhân

Nhà nghiên cứu Thái Văn Cầu

TS. Phạm Thanh Vân

PGS. TS. Nguyễn Hồng Thao

Một độc giả Dự án Đại Sự Ký Biển Đông

Th.S. Trần Thị Phương Thảo

Một thành viên Dự án

Nghiên cứu sinh Cái Ngọc Thiên Hương

Anh Nguyễn Phúc Thiện